

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH QUẢNG NAM**  
Bản án số: 20A/2022/HSST  
Ngày 07/4/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đình Hoàng.
2. Ông Nguyễn Đình Nguyễn.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hạnh Uyên – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 21/3/2022 đối với bị cáo:

**1. Nguyễn Công L (Tên gọi khác: Beo).**

Sinh năm: 1992, tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Trú tại: Khu phố 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12.

Con ông: Nguyễn Đ, sinh năm: 1968; Con bà: Nguyễn Thị G, sinh năm: 1969;

Tiền án: không;

Tiền sự: - Ngày 27/04/2021, bị Công an xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 27/04/2021, bị Công an xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Trần Tấn A, sinh năm: 1996, tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam;**

Trú tại: Khu phố 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông: Trần C, sinh năm: 1963; Con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1967;

Tiền án: Không;

Tiền sự: - Ngày 09/11/2021, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 205/QĐ-XPHC về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: - Ngày 07/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

- Ngày 29/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện T ra Quyết định số 06/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 15 tháng.

- Ngày 05/11/2020, bị Công an xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1974

Trú tại: Thôn Q2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm: 1985

Trú tại: Tổ 13, thôn Tú Ngọc B, xã Bình Tú, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Doãn, sinh năm: 1944

Trú tại: Tổ 9, thôn Q2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

3. Ông Trần Công, sinh năm: 1963

Trú tại: Khu phố 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

(Bị hại, người liên quan đều vắng mặt không có lý do)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/11/2021, Trần Tấn A điều khiển xe mô tô BKS 92N5 - 1317 (xe của ông Trần C là cha của A) chở theo Nguyễn Công L tìm cây cảnh để đào bán kiếm tiền.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1944; ở Tổ 9, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam), L nhìn thấy có 01 máy nổ, loại máy chạy bằng dầu Diesel của ông Nguyễn Đức T (con rể của bà D) đang để bên lề đường bê tông trước nhà bà D nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy nổ này. L bảo An dừng xe lại để lấy chiếc máy nổ bán lấy tiền, A đồng ý. L đến vị trí đặt chiếc máy nổ, khiêng chiếc máy nổ đặt lên xe mô tô rồi A điều khiển xe chở L cùng chiếc máy nổ đến tiệm thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị H, tại: Tổ 2B, thôn Q1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam và bán cho chị H được 518.000 đồng, số tiền này cả hai cùng nhau tiêu xài hết.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSTB-HS ngày 09/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Nguyễn Công L và Trần Tấn A về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên Tòa các bị cáo Nguyễn Công L, Trần Tấn A đều khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo.

Lời khai của bị hại Nguyễn Đức T: Ông T có để 01 máy nổ D6, loại máy dầu Diesel máy trộn bê tông bị hư hỏng chỗ nhà mẹ vợ để đi sửa thì bị mất. Sau đó ông đến tiệm thu mua phế liệu tìm lại được tài sản bị mất. Hiện nay ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Lời khai của bà Nguyễn Thị H: Bà có mua một máy nổ cũ của hai thanh niên mang đến bán phế liệu số tiền 518.000 đồng. Bà Hoa không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Hiện nay bà đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì thêm.

Lời khai của ông Trần C: Xe mô tô BKS 92N5 - 1317 là xe của ông C. Khi con ông lấy xe đi để trộm cắp ông C không hay biết.

Lời khai của bà Nguyễn Thị D: Con rể của bà là ông Nguyễn Đức T có gửi bà coi giúp cái máy nổ ở phía trước nhà. Nhưng do công việc bà cũng không để ý sau đó thì nghe con bà nói bị mất và đã tìm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo Nguyễn Công L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hậu quả do các bị cáo gây ra không lớn. Tình tiết tăng nặng: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo L được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Công L, Trần Tấn A phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công L từ 06 đến 09 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn A từ 06 đến 09 tháng tù.

\* Những vấn đề liên quan trong vụ án:

- Ông Trần Công (cha ruột của Trần Tấn A) cho Trần Tấn A mượn xe mô tô BKS 92N5-1317, tuy nhiên ông C không biết A sử dụng xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T trả lại xe mô tô BKS 92N5-1317 cho ông Công là có cơ sở.

- Bà Nguyễn Thị H có hành vi mua máy nổ của Nguyễn Công L và Trần Tấn A, tuy nhiên, chị H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, do đó, hành vi của chị H không có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan CSĐT Công an huyện T không đề cập xử lý là có cơ sở.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh Nguyễn Công L và Trần Tấn A mang máy nổ đến bán cho chị Nguyễn Thị H vào chiều ngày 30/11/2021.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công L, Trần Tấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bản thân các bị cáo khai nhận đã có tiền sự về hành vi trộm cắp. Các bị cáo đã trộm cắp của ông Nguyễn Đức T 01 máy nổ D6, loại máy dầu Diesel trị giá 600.000 đồng đem bán lấy tiền tiêu xài.

- Căn cứ vào lời khai của bị hại, người liên quan và các cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 14/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 máy nổ D6, loại máy dầu Diesel, mua mới năm 2018, đang bị hư hỏng có giá 600.000 đồng.

Hội đồng xét xử xác định: Các bị cáo Trần Công L và bị cáo Nguyễn Tấn A đã có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/11/2021, tại trước nhà bà Nguyễn Thị D, thuộc: Tổ 9, thôn Q2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Nguyễn Công L và bị cáo Trần Tấn A đã trộm cắp của ông Nguyễn Đức T 01 máy nổ D6, loại máy dầu Diesel trị giá 600.000 đồng đem bán lấy tiền tiêu xài.

Trong vụ án này các bị cáo đã cùng chung ý thức thực hiện tội phạm, các bị cáo ban đầu không có ý định trộm cắp mà chỉ đi tìm kiếm cây cảnh đào về bán lấy tiền. Nhưng khi đi ngang qua khu vực nhà bà D và nhìn thấy chiếc máy nổ của ông T để phía trước mới nảy sinh ý thức phạm tội và cùng nhau thực hiện. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định các bị cáo phạm tội không có tổ chức, chỉ đồng phạm giản đơn.

Xét về nhân thân, hành vi, hậu quả của các bị cáo Nguyễn Công L và Trần Tấn A gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng muốn dễ dàng có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 600.000 đồng nhưng các bị cáo đều có tiền sự về hành vi trộm cắp. Hành vi của các bị cáo gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, không an tâm với tài sản của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Xét nhân thân của các bị cáo đều xuất thân là nhân dân lao động. Sau khi phạm tội các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm

tội của mình. Các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại tài sản đã chiếm đoạt. Các bị cáo phạm tội nhưng hậu quả gây ra không lớn. Trong vụ án này người bị hại cũng có phần lỗi khi đã lơ là, mất cảnh giác, không có trách nhiệm tự bảo vệ tài sản của mình để các bị cáo dễ dàng phát sinh hành vi phạm tội. Về nhân thân: Các bị cáo L và bị cáo A ngoài các tiền sự đã được xem xét trong cấu thành tội phạm thì các bị cáo L và bị cáo An đều có nhân thân không tốt. Các bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng chất ma túy. Bị cáo A đã từng bị xét xử về tội cướp tài sản. Sau khi phạm tội và được tại ngoại bị cáo L còn tiếp tục phạm tội và hiện nay đang được điều tra xem xét. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo L còn được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để Cơ quan chức năng giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này. Trong vụ án này bị cáo L là người phát hiện và khởi xướng, nhưng bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nhân thân có phần tốt hơn so với bị cáo A. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt tù đối với các bị cáo tương đương nhau.

[4] Đối với ông Trần C (cha ruột của bị cáo A) cho bị cáo An mượn xe mô tô BKS 92N5-1317, tuy nhiên ông C không biết A sử dụng xe mô tô trên để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T trả lại xe mô tô BKS 92N5-1317 cho ông C là có cơ sở.

Đối với bà Nguyễn Thị H có hành vi mua máy nổ của các bị cáo Nguyễn Công L và Trần Tấn A, tuy nhiên, bà H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, hành vi của bà H không có dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không đề cập xử lý là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đức T đã nhận lại 01 máy nổ D6, loại máy dầu Diesel, không yêu cầu bồi thường gì. Các bị cáo Nguyễn Công L, Trần Tấn A đã hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 518.000 đồng, bà H không yêu cầu gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về vật chứng trong vụ án: Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh các bị cáo Nguyễn Công L và Trần Tấn A mang máy nổ đến bán cho bà Nguyễn Thị H vào chiều ngày 30/11/2021.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Các bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo: **Nguyễn Công L, Trần Tấn A** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 173; Các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Công L 06** (Sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 173; Các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Trần Tấn A 06** (Sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt thi hành án.

\* Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 ; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 ; Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh các bị cáo Nguyễn Công L và Trần Tấn A mang máy nổ đến bán cho chị Nguyễn Thị H vào chiều ngày 30/11/2021.

\* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Nguyễn Công L, Trần Tấn A trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 07/4/2022.

\* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký tên, đóng dấu)**

**Đặng Phùng Thành**